TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2022/QĐST-HNGĐ	*Cầu Ngang, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Dương Thị Minh Ph, sinh năm 1974
Địa chị: Ấp Tr, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phụng*: Ông Đặng Văn Ch, sinh năm 1969. Địa chỉ ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1967
Địa chỉ: Ấp Tr, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Dương Thị Minh Ph và ông Nguyễn Tấn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân**: Bà Dương Thị Minh Ph và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con tên: Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 24/01/1998 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/02/2003, các con đã thành niên bà Ph và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng, bà Ph và ông Đ xác định gồm: Công sức đóng góp cải tạo thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 3, diện tích 618m^2, tọa lạc ấp Tr, xã V, huyện C do ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất, bà Ph và ông Đ thỏa thuận công sức đóng góp trị giá 260.000.000 đồng. Căn nhà cơ bản cấp 4 và căn nhà tiền chế gắn liền thửa đất số 1554, bà Ph và ông Đ thỏa thuận trị giá là 300.000.000 đồng và tài sản gồm tất cả đồ phụ tùng, máy móc hàn tiện, bà Ph và ông Đ thỏa thuận trị giá là 40.000.000 đồng; tổng giá trị các tài sản chung là 600.000.000 đồng, hiện tại các tài sản do ông Đ đang quản lý, sử dụng. Các tài sản này bà Ph và ông Đ thỏa thuận chia mỗi người được hưởng 300.000.000 đồng cụ thể sau:

+ Về công sức đóng góp cải tạo thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 3, diện tích 618m^2, tọa lạc ấp Tr, xã V, huyện C trị giá 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Ông Đ hưởng công sức, cải tạo, sử dụng thửa số 1554 này và ông Đ trả giá trị công sức đóng góp cho bà Phụng được hưởng là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

+ Căn nhà cơ bản cấp 4 và căn nhà tiền chế gắn liền thửa đất số 1554, giá trị là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ông Đ được quyền quản lý, sử dụng các căn nhà và ông Đ trả giá trị cho bà Ph được hưởng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 3, diện tích 618m^2, tọa lạc ấp Tr, xã V, huyện C do ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Ph và ông Đ xác định là tài sản riêng của ông Đ. Bà Ph không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Tài sản gồm tất cả đồ phụ tùng, máy móc hàn tiện trị giá là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ông Đ được quyền quản lý, sử dụng tất cả tài sản máy móc, đồ phụ tùng hàn tiện. Ông Đ trả giá trị cho bà Ph được hưởng số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Về thời hạn trả tiền: Bà Ph và ông Đ thỏa thuận do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Bà Ph và ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Dương Thị Minh Ph thỏa thuận nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008221 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Hoàn trả cho bà Ph số tiền còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án dân sự sơ thẩm sơ thẩm:

+ Bà Ph tự nguyện thỏa thuận nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008222 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Bà Ph đã nộp đủ.

+ Ông Đ tự nguyện thỏa thuận nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu ngang;
- UBND p;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thoa